

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 30-6-2023.

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Quang Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: - ông Nguyễn Văn Phiếu.

- ông Lương Mạnh Tường.

*- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân
huyện N, tỉnh Ninh Bình.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa: bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.*

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên
tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 28
tháng 02 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/Q□XXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6
năm 2023, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn:** anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn A, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa chị M, anh C có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2023, các bản khai và tại
phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C có đăng ký kết hôn tại
Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 28/10/2011, trên cơ sở tự
nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng với bố mẹ anh Chiêu ở thôn A, xã G,
huyện N. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được 03 năm

thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh chị là do anh C thường xuyên đánh bài bạc dẫn tới vay lãi ngoài, nợ nần nhiều, không tu chí làm ăn chăm lo cho hạnh phúc gia đình. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hòa hợp được nữa nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình từ 28/02/2023 sinh sống. Từ đó anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay chị M nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị M xác định chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29/3/2012 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/6/2014. Hiện cả 02 cháu đều đang ở với anh C. Nếu ly hôn chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Hà V và Huy H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn C thể hiện tại bản tự khai khai ngày 15/3/2023 và tại phiên tòa: Anh xác định quá trình tìm hiểu, thời điểm đăng ký kết hôn, địa điểm chung sống của vợ chồng cũng như diễn biến quan hệ hôn nhân gia đình đúng như chị M đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, anh C xác định nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng anh là do anh phát hiện chị M nhắn tin với người yêu cũ. Nay chị M làm đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh C xác định anh và chị Mai có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29/3/2012 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/6/2014. Hiện cả 02 cháu đều đang ở với anh C. Nếu ly hôn anh C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu Hà V và Huy H cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị M và anh C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết M. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29/3/2012, hiện nay đang ở với anh C cho chị Trần Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Hà V đủ 18 tuổi. Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/6/2014, hiện nay đang ở với anh C cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh C, chị M không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình, loại việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết M, anh Nguyễn Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình ngày 28/10/2011, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống những năm đầu cuộc sống vợ chồng chị M, anh C hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do chị M phát hiện anh C có đánh bạc, dẫn đến phải vay nợ. Từ tháng cuối tháng 02/2023, chị M đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn M, xã G, huyện G

tỉnh Ninh Bình sinh sống. Từ đó vợ chồng anh C, chị M sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Anh Nguyễn Văn C không muốn ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên trong thời gian hai vợ chồng ly thân cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh C không có biện pháp tác động để cải thiện tình cảm vợ chồng và không tới tham gia phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa anh C xác định, nếu chị Mai cố tình ly hôn anh cũng không có ý kiến gì. Vì anh giữ người ở lại chứ không giữ người đi. Chị Trần Thị Tuyết M giữ nguyên quan điểm tình cảm giữa chị và anh C không còn, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 các Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29/3/2012 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/6/2014. Hiện cả 02 cháu đều đang ở với anh C. Chị M, anh C sau khi ly hôn đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại bản tự khai ngày 15/3/2023, hai cháu Hà V, Huy H đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Tuy nhiên, xét về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng thì chị M, anh C đều khỏe mạnh, có thu nhập. Quá trình chung sống chị M, anh C đều có trách nhiệm với các con, không ai vi phạm nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Song hiện anh C, chị M chưa có nhà riêng đều đang ở cùng gia đình mình, nên việc giao cả hai con chung cho một người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nhất. Mặt khác, cháu Hà V là con gái, đang tuổi phát triển rất cần có mẹ ở bên, nên cần giao cháu Hà V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ sự phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi và sự ổn định của các cháu, đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chưa thành niên của các bên đương sự khi ly hôn. Xét thấy, cần giao cho cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29/3/2012, cho chị Trần Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/6/2014, cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không có yêu cầu. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.
- Áp dụng khoản 1 các Điều 19, 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết M.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn C.

2. *Về con chung*:

- Giao cháu Nguyễn Thị Hà V, sinh ngày 29/3/2012, hiện đang ở với anh Nguyễn Văn C cho chị Trần Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

- Giao cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 26/6/2014, cho anh Nguyễn Văn C tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được cuộc sống.

Chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết có quyền thay đổi việc nuôi con.

3. *Về tài sản - công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Trần Thị Tuyết M phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003806 ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tuyết M, anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

VŨ QUANG CHUNG